TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tú-Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: Số 442 Ng, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ M – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà Võ Thị L – Nhân viên xử lý nợ theo Giấy ủy quyền số 40/UQ-QLN.19 ngày 08/4/2019 của Giám đốc Ngân hàng T, *(bà L có mặt tại tòa)*.

2. Bị đơn: Bà Tôn Thị Th, sinh năm: 1981 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

3.1. Ông Tôn Văn Q, sinh năm: 1938, (vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1944, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện ủy quyền nguyên đơn - bà Võ Thị L: Ngân hàng T cấp tín dụng cho bà Tôn Thị Th theo Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.606.251115 ngày 27/11/2015 số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 84 tháng, đến hạn ngày 27/11/2022, mục đích vay để tiêu dùng. Tài sản thế chấp đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.225.251115 ngày 27/11/2015 (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301060681 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 14/12/2001). Trong quá trình vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 09/5/2019, bà Th còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 176.231.264 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 142.856.000đ (Một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng), lãi trong hạn là 7.598.292đ (Bảy triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn hai trăm chín mươi hai đồng), lãi quá hạn là 25.636.700 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm đồng), lãi phạt 140.562 đồng (Một trăm bốn mươi ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng).

Ngân hàng T yêu cầu bà Tôn Thị Th thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (ngày 09/5/2019) là 176.231.264 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Th không trả được nợ thì Ngân hàng T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 12 P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301060681 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 14/12/2001 đứng tên bà Tôn Thị Th). Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.225.251115 ngày 27/11/2015, đã ký kết để thu hồi nợ

- Bị đơn- bà Tôn Thị Th trình bày: Bà Th thừa nhận có vay của Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.606.251115 ngày 27/11/2015 số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay là 84 tháng, đến hạn ngày 27/11/2022; Mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đứng tên bà. Bà Th đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân

hàng T nhưng xin trả dần mỗi tháng 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và mỗi quý trả thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì bà đồng ý giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng phát mãi theo quy định.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Võ Thị L - đại diện ủy quyền Ngân hàng T giữ nguyên khởi kiện, yêu cầu bà Th thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 09/5/2019 là 176.231.264 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2019 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà Th không trả được nợ thì Ngân hàng T yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn – bà Tôn Thị Th đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng xin trả dần mỗi tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và mỗi quý trả thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì bà V đồng ý giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng phát mãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng T khởi kiện bị đơn là bà Tôn Thị Th có địa chỉ tại số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang yêu cầu trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Tôn Văn Q và bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Q, bà Nh.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T với bà Tôn Thị Th: Giữa Ngân hàng T và bà Tôn Thị Th thống nhất lời khai: Bà Th có ký kết hợp đồng tín dụng số KIG.CN.606.251115 ngày 27/11/2015 với Ngân hàng T, số tiền vay là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), Mục đích vay để tiêu dùng. Lãi trong hạn 9,7% năm; lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Do bà Th đã vi phạm nghĩa vụ về thanh toán nợ nên Ngân hàng đã có đơn khởi kiện, yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa

vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét Hợp đồng tín dụng số KIG.CN.606.251115 ngày 27/11/2015 đã được các bên ký kết đúng trình tự quy định của pháp luật, là hợp đồng vay tín dụng có đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Việc Ngân hàng khởi kiện bà Th trong thời gian thực hiện hợp đồng, là do bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã được hai bên ký kết tại Điều 6 khoản 6.1.4 của hợp đồng, Ngân hàng T cũng đã có văn bản nhắc nhở đối với bà Th. Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số nợ tính đến ngày 09/5/2019 là 176.231.264 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.225.251115 ngày 27/11/2015 giữa Ngân hàng T với bà Th được thực hiện đúng trình tự thủ tục và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất. Căn cứ vào quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Th không trả nợ, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4]. Xét yêu cầu xin trả dần: Bà Th xin trả xin trả dần mỗi tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và mỗi quý trả thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến khi hết nợ. Đại diện ủy quyền Ngân hàng T không đồng ý và yêu cầu bà Th thanh toán nợ theo hợp đồng. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: (176.231.264 đồng x 5%) = 8.811.000 đồng (Tám triệu tám trăm mười một ngàn đồng). Ngân hàng T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.798.000 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001429 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299, Điều 323, Điều 351, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn – bà Tôn Thị Th. Buộc bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền vay vốn và lãi là 176.231.264 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 10/5/2019 bà Th còn phải trả cho Ngân hàng T khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số KIG.CN.606.251115 ngày 27/11/2015 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Th không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 12 Ph, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301060681 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 14/12/2001 đứng tên bà Tô Thị Th (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KIG.BĐCN.225.251115 ngày 27/11/2015).

***2. Án phí dân sự sơ thẩm*:** Bà Tôn Thị Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật là: 8.811.000 đồng (Tám triệu tám trăm mười một ngàn đồng). Ngân hàng T được được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.798.000 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001429 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hà nh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Lưu./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Trần Mộng Thúy